

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 15-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2021/TLST-HS, ngày 29 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2021/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng V (tên gọi khác: X), sinh ngày 12 tháng 4 năm 1992 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú: Tổ 0, khu phố L, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1955; vợ: Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1995 (đã ly hôn); con: Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 70/2016/HSST, ngày 27/12/2016). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2017 và đã nộp án phí; Bị tạm giam ngày 12/11/2020, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 58/LB của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Trần Đăng S, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Ông Lê T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Bùi Sỹ Q, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Tổ 0, khu phố 0, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H. Địa chỉ: Tòa nhà P, số 0 Nguyễn Đăng G, phường T, quận 0, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông Branislav V. Chức vụ: Giám đốc bộ phận Hỗ trợ kinh doanh. Nơi cư trú: Tòa nhà P, số 0 Nguyễn Đăng G, phường T, quận 0, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền chi tiêu cá nhân, Nguyễn Trọng V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Khoảng 01 giờ ngày 04/9/2020, V chuẩn bị 03 bao tải (loại 50 kg), 01 kìm, 01 mỏ-lết, 02 cờ-lê và sử dụng xe mô tô biển số 72G1-68... đi từ nhà ở khu phố L, thị trấn P theo tỉnh lộ 3.. vào xã H, tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực ấp 0, xã H, huyện X (đoạn qua Cầu 0, khoảng 300 mét) thì phát hiện trong sân nhà ông Lê Văn H có 01 máy bơm hơi. V dừng xe trước nhà, rồi đi vào dùng 01 tuốc-nơ-vít tìm được gần đó, chốt ngang 02 khoen móc khóa bên ngoài cửa, mục đích nếu chủ nhà phát hiện thì sẽ không thể ra ngoài được. Sau đó, V dùng kìm cắt dây điện và dùng cờ-lê mang theo, tháo được 01 mô-tơ (motor) công suất 1HP-0,75KW của máy bơm hơi, bỏ vào bao tải, mang ra xe mô tô chở đi tiếp về hướng xã H để tiếp tục trộm cắp. Khoảng 02 giờ cùng ngày, V phát hiện 01 máy trộn bê tông để trước sân nhà ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983, địa chỉ ấp 0, xã H, huyện X. V dừng xe trước nhà, đi vào dùng kìm cắt dây điện và dùng cờ-lê tháo được 01 mô-tơ công suất 2HP-1,5KW của máy trộn bê tông, bỏ vào bao tải, đưa ra xe, rồi chở cả 02 mô-tơ trộm cắp được cất giấu trong rừng cây Giá Tỵ thuộc xã H. Tiếp theo đó, V điều khiển xe đến khu vực Cầu 0 thuộc ấp P, xã H thì phát hiện trong sân nhà ông Lê T có 01 máy cắt sắt công suất 2HP-1,5KW, V đi vào dùng bao tải trùm lên máy rồi bê ra xe tẩu thoát. Khi đi tới khu vực Cầu 0, xã H thì bị Công an xã H phát hiện, yêu cầu V về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan công an, V thừa nhận máy cắt sắt đang chở trên xe là tài sản vừa trộm cắp được mà có và tự khai nhận trước đó đã trộm cắp 02 mô-tơ điện, rồi chỉ dẫn nơi cất giấu cho Công an xã H thu hồi lại tài sản.

Ngoài ra, V còn khai nhận khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 27/8/2020, cũng với phương pháp thủ đoạn và công cụ, phương tiện phạm tội như đã nêu trên. V đã trộm cắp 01 mô-tơ điện công suất 3HP-2,2KW gắn trong máy trộn bê tông của ông Trần Đăng S, sinh năm 1970, địa chỉ ấp 0, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, sau đó đem bán cho

ông Bùi Sỹ Q, sinh năm 1965, địa chỉ tổ 0, khu phố 0, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Q không biết mô-tơ do V trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua với giá 600.000 đồng.

Khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 04/9/2020 các ông Trần Đăng S, Lê T, Nguyễn Minh T và Lê Văn H đều có đơn trình báo cơ quan công an đề nghị giải quyết. (Bút lục: 80, 88, 96, 106). Cùng ngày, Công an xã H, huyện X đã tiến hành lập biên bản ghi nhận hiện trường nơi xảy ra các vụ việc (Bút lục: 36 đến 39).

Sau đó, toàn bộ hồ sơ và đồ vật, tài liệu được chuyển tới cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu (Bút lục: 18, 19) gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại E, biển kiểm soát 72G1-68..., màu sơn đen, số máy G3D4E1010..., số khung 1010KY239...; 01 giấy chứng minh nhân dân số 273449... mang tên Nguyễn Trọng V, cấp ngày 25/12/2012; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy (bản chụp) của xe máy Y, biển kiểm soát 72G1-68... mang tên Nguyễn Trọng V; 01 mỏ-lết bằng kim loại màu bạc, dài 20 cm; 01 kim cộng lực bằng kim loại, có chiều dài 20 cm, phần cán được bọc cao su màu đỏ, phần đầu bằng kim loại; 02 cờ-lê bằng kim loại màu bạc, mỗi chiếc có chiều dài 17cm; 01 máy cắt sắt (máy kéo) có mô-tơ công suất 2HP-1,5KW; 01 mô-tơ công suất 1HP-0,75KW; 01 mô-tơ công suất 3HP-2,2KW và 01 mô-tơ công suất 2HP-1,5KW.

Tại Kết luận định giá tài sản số 112/KL-HĐĐG, ngày 08/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận: Đối với máy cắt sắt công suất motor 2HP-1,5KW là: 1.800.000đ; Đối với motor công suất 3HP-2,2KW là: 1.100.000đ; Đối với motor công suất 1HP-0,75KW là: 1.050.000đ; Đối với motor công suất 2HP-1,5KW là: 1.050.000đ. Tổng giá trị thiệt hại là: 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn).

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS, ngày 10/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu truy tố bị cáo Nguyễn Trọng V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, r và s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 16 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 12/11/2020).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm;

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Sỹ Q là người đã bỏ ra số tiền 600.000 đồng để mua 01 mô-tơ công suất 2HP-1,5KW. Quá trình điều tra ông Q không yêu cầu giải quyết và có ý kiến cho (tặng) lại bị cáo số tiền này nên trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với ông Q không đặt ra xem xét, giải quyết;

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên H (sau đây gọi tắt là công ty H): Số dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 4000462..., ngày 17/01/2020 được ký giữa công ty H với bị cáo, bị cáo dùng nguồn tiền vay này để mua trả góp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Y, biển kiểm soát 72G1-68... Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã gửi văn bản số 107/ĐTTH, ngày 27/02/2021 yêu cầu công ty H cử người tham gia tố tụng và cung cấp hồ sơ pháp lý, cũng như các tài liệu, chứng cứ và thông tin có liên quan, nhưng hết thời hạn đã ấn định, công ty H không thực hiện bất cứ yêu cầu gì. Do đó, không có căn cứ để giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với công ty H. Trường hợp có tranh chấp, thì các bên giải quyết theo Thỏa thuận trọng tài đã ký, ngày 17/01/2020.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mô-lết bằng kim loại màu bạc, dài 20 cm; 01 kìm cộng lực bằng kim loại, có chiều dài 20 cm, phần cán được bọc cao su màu đỏ, phần đầu bằng kim loại; 02 cờ-lê bằng kim loại màu bạc, mỗi chiếc có chiều dài 17cm.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại E, biển kiểm soát 72G1-68..., màu sơn đen, số máy G3D4E1010..., số khung 1010KY239....

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra, bị cáo không bào chữa, tranh luận. Khi nói lời sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được nhận lại phương tiện phạm tội, đồng thời giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 01 giờ ngày 04/9/2020, Nguyễn Trọng V chuẩn bị 03 bao tải (loại 50 kg), 01 kìm, 01 mô-lết, 02 cờ-lê và sử dụng xe mô tô biển số 72G1-68... đi từ nhà theo tỉnh lộ 3.. vào xã H, tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến khu vực ấp 0, xã H (đoạn qua Cầu 0, khoảng 300 mét) thì phát hiện trong sân nhà ông H có 01 máy bơm hơi. V dừng xe trước nhà và đi vào dùng kìm cắt dây điện và dùng cờ-lê mang theo, tháo được 01 mô-tơ công suất 1HP-0,75KW bỏ vào bao tải, mang ra xe mô tô chở đi tiếp về hướng xã H để tiếp tục trộm cắp. Khoảng 02 giờ cùng ngày, V phát hiện 01 máy trộn bê tông để trước sân nhà ông T tại ấp 0, xã H. V dừng xe trước nhà, đi vào dùng kìm cắt dây điện và dùng cờ-lê tháo được 01 mô-tơ công suất 2HP-1,5KW, bỏ vào bao tải, đưa ra xe, rồi chở cả 02 mô-tơ trộm cắp được cất giấu trong rừng cây Giá Tỵ thuộc xã H. Tiếp theo, V điều khiển xe đến khu vực Cầu 0, thuộc ấp P, xã H thì phát hiện trong sân nhà ông T có 01 máy cắt sắt công suất 2HP-1,5KW, V đi vào dùng bao tải trùm lên máy rồi bê ra xe tải thoát. Khi đi tới khu vực Cầu 0, xã H thì bị Công an xã H phát hiện, yêu cầu V về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan công an, V thừa nhận máy cắt sắt đang chở trên xe

là tài sản vừa trộm cắp được mà có và tự khai nhận trước đó đã trộm cắp 02 mô-tơ điện, rồi chỉ dẫn nơi cất giấu cho Công an xã H thu hồi lại tài sản.

Ngoài ra, V còn khai nhận khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 27/8/2020, cũng với phương pháp thủ đoạn và công cụ phương tiện phạm tội như đã nêu trên. V đã trộm cắp 01 mô-tơ điện công suất 3HP-2,2KW của ông Trần Đăng S tại ấp 0, xã H, sau đó đem bán cho ông Bùi Sỹ Q tại tổ 0, khu phố 0, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Q không biết mô-tơ do V trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua với giá 600.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với biên bản ghi nhận hiện trường, với kết luận định giá tài sản, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định là: 01 máy cắt sắt công suất mô-tơ 2HP-1,5KW là: 1.800.000đ; 01 mô-tơ công suất 3HP-2,2KW là: 1.100.000đ; 01 mô-tơ công suất 1HP-0,75KW là: 1.050.000đ và 01 mô-tơ công suất 2HP-1,5KW là: 1.050.000đ. Tổng giá trị thiệt hại của tài sản được định giá 5.000.000 đồng. Trong đó: Tài sản chiếm đoạt ngày 04/9/2020 gồm: 01 máy cắt sắt công suất mô-tơ 2HP-1,5KW là: 1.800.000đ; 01 mô-tơ công suất 1HP-0,75KW là: 1.050.000đ và 01 mô-tơ công suất 2HP-1,5KW là: 1.050.000đ. Tổng tài sản trị giá: 3.900.000đ (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về xâm phạm sở hữu, nhưng do tham lam, lười lao động, bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật, lợi dụng đêm tối và sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, cố ý chiếm đoạt tài sản bằng cách lén lút thực hiện hành vi đối với chủ sở hữu để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đã khai ra hành vi phạm tội trước đây và tự nguyện chỉ nơi cất giấu tài sản cho công an thu hồi. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, r và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết “người phạm tội tự nguyện sửa chữa,

bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 70/2016/HSST, ngày 27/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt bị cáo 15 tháng tù) thuộc cùng một loại tội xâm phạm đến quyền sở hữu. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2017, đã nộp án phí và đương nhiên được xóa án tích theo Điều 70 của Bộ luật Hình sự, nhưng đến ngày 27/8/2020 bị cáo lại tiếp tục phạm tội, mặc dù lần phạm tội này chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, những điều đó cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, không chịu rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu để trở thành công dân tốt nay lại phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cho dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng không thể áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Bùi Sỹ Q), nhưng tất cả đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt đối với những người này.

[4] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định; không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Sỹ Q. Quá trình điều tra, ông Q không yêu cầu giải quyết và có ý kiến cho (tặng) lại bị cáo số tiền 600.000 đồng mà ông đã bỏ ra mua 01 mô-tơ công suất 2HP-1,5KW bị cáo bán, nên trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với ông Q, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết;

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án công ty H. Từ giai đoạn điều tra cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, công ty H không cử người tham gia tố tụng và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ và thông tin gì liên quan đến số

đur nợ của Hợp đồng tín dụng số 4000462... được ký giữa công ty H với bị cáo ngày 17/01/2020, bị cáo đã dùng nguồn tiền vay này để mua trả góp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Y, biển kiểm soát 72G1-68... Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với công ty H. Trường hợp có tranh chấp, thì các bên giải quyết theo Thỏa thuận trọng tài đã ký, ngày 17/01/2020.

[6] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 273449... mang tên Nguyễn Trọng V, cấp ngày 25/12/2012. Đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đã lập biên bản trả lại cho bị cáo là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy (bản chụp) của xe máy Y, biển kiểm soát 72G1-68... mang tên Nguyễn Trọng V do cơ quan Điều tra thu giữ, không đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định tại Điều 58 của Luật Giao thông đường bộ cần lưu theo hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 mô-tơ công suất 2HP-1,5KW (tài sản của ông Nguyễn Minh T); 01 mô-tơ công suất 3HP-2,2KW (tài sản của ông Trần Đăng S); 01 mô-tơ công suất 1HP-0,75KW (tài sản của ông Lê Văn H) và 01 máy cắt sắt có mô-tơ công suất 2HP-1,5KW (tài sản của ông Lê T). Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đã lập biên bản trả lại các tài sản trên cho các ông T, S, H và T là đúng quy định, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 03 bao tải (loại 50 kg; 02 bao màu đỏ, 01 bao màu xám) và 01 sợi dây (không rõ đặc điểm). Bị cáo khai đã làm mất và không nhớ địa điểm, cơ quan Điều tra không tiến hành thu hồi được. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

- 01 mỏ-lết bằng kim loại màu bạc, dài 20 cm; 01 kim cộng lực bằng kim loại, có chiều dài 20 cm, phần cán được bọc cao su màu đỏ, phần đầu bằng kim loại; 02 cờ-lê bằng kim loại màu bạc, mỗi chiếc có chiều dài 17cm thu giữ của bị cáo. Đây là những công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại E, biển kiểm soát 72G1-68..., màu sơn đen, số máy G3D4E1010..., số khung 1010KY239... thu giữ của bị cáo. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 27/8/2020 của Nguyễn Trọng V là 01 mô-tơ công suất 3HP-2,2KW của ông Trần Đăng S, trị giá tài sản được định giá 1.100.000 đồng. Hành vi này chưa đủ định lượng để cấu thành tội phạm nên Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC, ngày 28/12/2020 đối với V với mức tiền phạt 1.000.000 đồng là phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với ông Bùi Sỹ Q là người đã bỏ tiền ra mua 01 mô-tơ công suất 3HP-2,2KW, nhưng không biết rõ tài sản mà V mang tới bán là tài sản do trộm cắp mà có. Do

đó, cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự với ông Q là đúng theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, r và s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng V (tên gọi khác: X) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Trọng V (X) 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 12/11/2020).

- Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 mỗ-lết bằng kim loại màu bạc, dài 20 cm; 01 kìm cộng lực bằng kim loại, có chiều dài 20 cm, phần cán được bọc cao su màu đỏ, phần đầu bằng kim loại; 02 cờ-lê bằng kim loại màu bạc, mỗi chiếc có chiều dài 17cm.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, số loại E, biển kiểm soát 72G1-68..., màu sơn đen, số máy G3D4E1010..., số khung 1010KY239...

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 38/BB, ngày 27/01/2021).

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Trọng V (X) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND thị trấn P, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Bá Khuyến